

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-PT

Ngày 26-12 -2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tống Văn Viên

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Trung  
Ông Đặng Văn Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLPT-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2022/QĐPT-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐ-PT, ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Thanh B, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Huỳnh Thanh B: Bà Trần Thị Đ, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Ph thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ: Bà

Nguyễn Thị Thanh P, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Đường M, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh

2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1952 (có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

5. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

6. Ông Lưu Văn H, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Đường M, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh

7. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn và bà Lê Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh B trình bày:*

Năm 2016, ông Nguyễn Văn Đ làm nhà và làm trại lươn giống thiếu tiền xây dựng nên ông Đ có hỏi vay tiền của anh số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), nhưng một mình anh thì không đủ cho ông Đ vay, nên anh B có hỏi chị ruột là bà Huỳnh Thị Q hai chị em hùn lại mỗi người 250.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để cho ông Đ vay tổng số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 17/11/2016, tại nhà ông Nguyễn Văn Đ, do ông Đ làm biên bản thỏa thuận nhận số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), ông Đ cùng vợ và các con của ông Đ có ký tên vào biên bản. Thời gian trả là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận theo quy định của Ngân hàng. Sau khi các bên ký tên cả 03 người gồm anh B, bà Q, ông Đ đến Ủy ban nhân dân xã H công chứng, chiều cùng ngày 17/11/2016 anh B cùng bà Q giao cho ông Đ số tiền 500.000.000 đồng.

Nay anh Huỳnh Thanh B yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị C, chị Nguyễn Thị Ph, anh Nguyễn Duy P có trách nhiệm cùng trả số tiền gốc 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày

17/11/2016 đến ngày 17/12/2021 bằng 127.055.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/9/2022 anh Huỳnh Thanh B không yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu ông Đ, bà C, chị Ph, anh Duy Ph trả số tiền gốc bằng 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Theo bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đ chỉ thừa nhận vào ngày 17/11/2016 có vay tiền của bà Huỳnh Thị Q số tiền 500.000.000 đồng, không có vay tiền của ông B, ông B chỉ là người làm chứng. Vào ngày 17/11/2016, ông Đ vay số tiền này thì có mặt ông B và bà Q, tiền được để trong túi nilon của Ngân hàng K, có làm biên nhận nợ, do ông soạn thảo và nhờ con của ông là chị Thanh T đánh máy lại. Vợ và các con của ông có ký tên vào biên bản này. Thời hạn trả là 06 tháng, có thỏa thuận tiền lãi theo ngân hàng. Tại thời điểm vay tiền ông nghĩ là của ông B 250.000.000 đồng và của bà Q 250.000.000 đồng, vì khi hỏi vay thì ông hỏi vay tiền từ anh B. Nhưng sau đó vài tháng thì ông có nghe bà Q nói 500.000.000 đồng này là của bà Q, không có phần của anh B. Sau đó vợ chồng bà Q xin hùn vốn làm ăn với ông, nếu bà Q có yêu cầu thì ông chỉ đồng ý trả cho bà Q không đồng ý trả tiền theo yêu cầu anh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Q trình bày: Trước đây em bà là Huỳnh Thanh B có đến gặp bà kêu cho ông Nguyễn Văn Đ vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), để sau đó ông Đ sẽ cho lại 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng). Nên ngày 17/11/2016 bà có đến Ngân hàng K vay số tiền 500.000.000 đồng cho ông Đ vay lại. Bà cùng ông B có đến nhà ông Đ để cho ông Đ vay tiền 500.000.000 đồng và ông Đ có hứa sẽ cho lại 5 tỷ đồng khi làm ăn được. Ông Đ có làm biên bản thỏa thuận nhận tiền và cho bà ký tên. Bà không có đọc lại nội dung biên bản vì lúc đó bà đi cùng anh B và tin tưởng anh B nên không đọc lại. Biên bản thỏa thuận này do bà cất giữ được 02 ngày thì bà có nhờ em của bà tên là Châu đọc lại nội dung biên bản cho bà nghe, khi nghe chị Châu nói là số tiền 500.000.000 đồng này là có phần của anh B là 250.000.000 đồng bà cũng không có ý kiến gì đối với anh B và bà Q đem gửi cho bà Yến L giữ biên nhận. Sau đó 02-03 tháng bà có nói với ông Đ cho bà dùng 500.000.000 đồng này hùn làm ăn chung nếu có lời thì chia, lỗ thì thôi. Do số tiền này bà đã hùn vào làm ăn chung với ông Đ, nên bà không có yêu cầu ông Đ trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn H trình bày: Số tiền 500.000.000 đồng trên là tiền của vợ chồng ông, không phải của ông B, nên ông thống nhất ý kiến của bà Q, không yêu cầu ông Đ trả 500.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ph, bà Lê Thị C, anh Nguyễn Duy P thừa nhận có ký tên trong biên bản thỏa thuận ngày 17/11/2016 do Ủy ban nhân dân xã H chứng thực. Nhưng việc ký tên này do ông Đ kêu ký, còn tiền thì không có nhận và cũng không có sử dụng số tiền này. Chị Ph, anh Duy Ph và bà C không đồng ý trả số tiền 250.000.000 đồng theo yêu cầu anh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị không quen biết anh B, việc vay mượn tiền giữa cha chị là ông Đ với anh B như thế nào chị không biết. Chị cũng không có ký tên vào biên bản thỏa thuận ngày 17/11/2016, nên không đồng ý trả tiền 250.000.000 đồng theo yêu cầu anh B.

Tại bản án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh B: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ cùng nhau liên đới trả cho anh Huỳnh Thanh B số tiền gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2022, ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị C kháng cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Số tiền 500.000.000 đồng là của ông Đ vay của bà Q, ông Đ không có vay tiền của anh B. Biên bản thỏa thuận ngày 17/11/2016 về thể thức và nội dung là không phù hợp vì nội dung xác nhận là vào buổi sáng, nhưng các bên đương sự xác định là thực hiện vào buổi chiều, biên nhận này thì chị T không thừa nhận chữ ký, trong biên nhận nợ không thể hiện số tiền của ông B là bao nhiêu. Nhận thấy, số tiền 500.000.000 đồng là của bà Q là có căn cứ, vì buổi sáng cùng ngày bà Q đến Ngân hàng K rút số tiền 500.000.000 đồng, bà Q có cung cấp giấy rút tiền, anh B cho rằng nguồn tiền là do vợ chồng anh tích góp từ việc bán lúa, bán vàng, làm dự án...nhưng anh không có giấy tờ gì chứng minh, ngoài ra anh B cũng không xác định được mệnh giá tiền là bao nhiêu, nên anh B cho rằng trong số tiền 500.000.000 đồng có phần của anh 250.000.000 đồng là không có căn cứ. Từ những phân tích trên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà C sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Ý kiến của Kiểm sát Viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Đ, bà C yêu cầu không chấp nhận yêu cầu của ông B buộc ông, bà trả số tiền 250.000.000 đồng. Xét thấy, tại biên bản thỏa thuận ngày 17/11/2016 thể hiện nội dung ông B và bà Q cho ông Đ, bà C vay số tiền 500.000.000 đồng. Bà C, ông Đ thừa nhận chữ ký và có nhận số tiền 500.000.000 đồng sau khi ký tên, ông là người soạn thảo văn bản và đưa cho con ông là chị T đánh máy dùm và là người trực tiếp đem ra Ủy ban nhân dân xã xác nhận đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ không thừa nhận tờ thỏa thuận trả gốc và lãi cho ông B, nhưng trong biên nhận này ông là người soạn và ký tên điều có ghi tên ông B, Hội đồng xét xử đã công bố tờ thỏa thuận cho ông Đ và ông Đ không có ý kiến gì, đây được xem là chứng cứ theo Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2022 và tại phiên tòa ông Đ thừa nhận ông “Có nghĩ tiền của ông B cho vay là 250.000.000 đồng”, nhưng vài ngày thì nghe bà Q nói 500.000.000 đồng là tiền của bà Q nên ông biết ông B không có cho ông vay 250.000.000 đồng. Như vậy, ông cho rằng là tiền của bà Q nhưng ông không phản đối gì. Còn việc bà Q nại ra rằng số tiền 500.000.000 đồng trong biên nhận ngày 17/11/2016 là của bà, bà rút tiền vay từ Ngân hàng cho ông Đ, bà C vay, nhưng bà không chứng minh được số tiền này đưa hết cho ông Đ vay và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay bà cũng thừa nhận biết được biên nhận có ghi tên của Bạch cùng cho vay, nhưng bà vẫn không yêu cầu làm biên nhận lại cũng không tranh chấp đối với ông B. Như vậy, bà Q, ông Đ, bà C không chứng minh được số tiền 500.000.000 đồng cho vay là của mình theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên án bản án sơ thẩm số 58/2021/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[01] Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[02] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị C không đồng ý trả số tiền 250.000.000 đồng (trong tổng số tiền 500.000.000 đồng) cho ông Huỳnh Thanh B, vì cho rằng ông, bà không có vay tiền của ông B mà số tiền trên là của bà Huỳnh Thị Quời.

Nhận thấy, tại biên bản thỏa thuận ngày 17/11/2016 “về việc cho mượn vốn để gia đình ông Nguyễn Văn Đ xây dựng mở rộng trại sản xuất lươn giống dịp mùa vụ sản xuất năm 2016-2017” (BL 29) thể hiện nội dung ông Nguyễn

Văn Đ có vay của bà Huỳnh Thị Q và anh Huỳnh Thanh B số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn trả là 6 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 17/5/2017, lãi suất thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng. Ông Đ, bà C, anh Duy Phương, chị Ph đều thừa nhận chữ ký trong tờ thỏa thuận này nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đ, bà C và bà Q cho rằng số tiền 500.000.000 đồng là của bà Q cho vay, còn ông B chỉ là người làm chứng là không có cơ sở. Bởi lẽ, chính ông Đ thừa nhận khi hỏi vay tiền là hỏi vay của ông B, ông Đ cũng thừa nhận biên bản thỏa thuận ngày 17/11/2016 là do ông soạn và nhờ con gái là Thanh Trúc đánh máy dùm và ông Đ cũng thừa nhận thời điểm vay ông nghĩ phần ông B và bà Q mỗi người 250.000.000 đồng, nhưng sau đó vài tháng thì nghe bà Q nói số tiền này là của bà Q, không có phần ông B (BL37). Bà Q cho rằng nguồn tiền 500.000.000 đồng là bà rút ra từ Ngân hàng và cung cấp một phiếu rút tiền 500.000.000 đồng tại Ngân hàng K, nhưng bà không chứng minh được trong số tiền này bà có đưa hết cho ông Đ hay không. Ngoài ra, bà Q trình bày “khi cho mượn tiền do tin tưởng ông B nên không đọc lại biên bản, nên nội dung viết gì tôi không biết” (BL 49) và bà Q thừa nhận sau khi biết được nội dung trong biên bản là có phần hùn của ông B, nhưng không có yêu cầu ông B và ông Đ làm lại biên nhận (BL49). Như vậy, lời trình bày của bà Q là không có căn cứ chấp nhận, vì bà Q cho vay tiền và ký tên trong biên nhận, nên bà buộc phải biết nội dung biên nhận cho vay là gì và số tiền là bao nhiêu.

[03] Biên bản thỏa thuận ngày 17/11/2016, mặc dù không thể hiện rõ trong số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) thì phần của anh B và bà Q mỗi người bao nhiêu, nhưng theo sự thừa nhận của ông Đ lúc vay tiền số tiền thì ông nghĩ trong số tiền này là của anh B 250.000.000 đồng và của bà Q 250.000.000 đồng. Ngoài ra, các nhân chứng như ông Huỳnh Văn Yều, bà Lâm Thị Yến Ly và anh Huỳnh Văn Hòa là cha, mẹ và em ruột của bà Q và anh B chứng kiến việc bà Q với anh B mỗi người hùn 250.000.000 đồng để cho ông Nguyễn Văn Đ (tên thường gọi là Hai Trinh) vay số tiền 500.000.000 đồng, việc kiểm điểm tiền được thực hiện tại nhà của ông Yều và bà Yến L (BL 81). Căn cứ Điều 404 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định “1. Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì việc giải thích điều khoản đó không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí của các bên được thể hiện trong toàn bộ quá trình trước, tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng.....”, nên có đủ căn cứ xác định trong số tiền 500.000.000 đồng có phần của anh B và bà Q mỗi người 250.000.000 đồng

Từ những chứng cứ và tình tiết như đã phân tích, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh B là có căn cứ. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị C kháng cáo, nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ và bà C.

[04] Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2022, anh B yêu cầu ông Đ trả số tiền vay bằng 250.000.000 đồng và tiền lãi bằng 127.055.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/9/2022 nguyên đơn anh B rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả tiền gốc bằng 250.000.000 đồng, đồng thời phía bị đơn ông Đ có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 và thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay đã hết, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản” là đúng quy định. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền lãi 127.055.000 đồng là thiếu sót.

[05] Xét thấy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[06] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị C là có căn cứ.

[07] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị C là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đ, bà C.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh B.**

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Thanh B số tiền bằng 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các*

*khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh B đối với số tiền lãi bằng 127.055.000 đồng.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Tổng Văn Viên**